

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc
Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp.

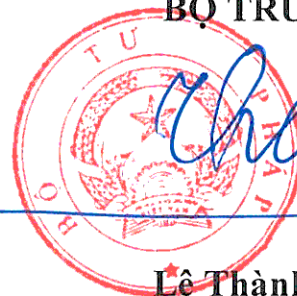
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Lê Thành Long

PHƯƠNG ÁN

SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH VÀ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-BTP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

1. Tiêu chuẩn trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ Tư pháp

Căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, số lượng xe ô tô chức danh và xe phục vụ công tác chung được xác định như sau:

a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: 7 xe, gồm 01 xe chức danh Bộ trưởng, 05 xe Thứ trưởng và 01 xe Tổng Cục trưởng, hiện nay đã trang bị đủ.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (bao gồm xe của các Cục THADS cấp tỉnh) được trang bị tối đa 91 xe.

2. Nguyên tắc sắp xếp, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Nguyên tắc sắp xếp, bố trí xe ô tô cho các chức danh, cơ quan, đơn vị

- Thực hiện việc trang bị xe ô tô đúng tiêu chuẩn, định mức; quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc sắp xếp lại xe ô tô phải đảm bảo quản lý, sử dụng xe ô tô hiệu quả, phù hợp với hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ.

- Đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các đơn vị trong tổng số xe theo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Bộ.

- Việc thực hiện sắp xếp xe ô tô được thực hiện theo nguyên tắc điều chuyển xe kèm theo điều chuyển lái xe. Trong trường hợp lái xe không muốn chuyển sang đơn vị mới, đơn vị tự sắp xếp, bố trí công việc phù hợp hoặc báo cáo Bộ phương án xử lý.

b) Nguyên tắc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

- Các đơn vị được giao quản lý xe ô tô phải xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô, trong đó xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe, công thức xác định chi phí xăng xe và các chi phí liên quan như phí cầu đường, công tác phí cho lái xe khi điều phối xe cho các đơn vị được sử dụng chung...; thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy chế đã ban hành. Riêng các đơn vị

được giao quản lý xe ô tô chung với một số đơn vị thuộc Bộ, quy chế quản lý, sử dụng xe phải lấy ý kiến của các đơn vị cùng sử dụng và Cục Kế hoạch - Tài chính trước khi ban hành.

- Xe ô tô phục vụ công tác chung được bố trí cho các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác ngoại tỉnh và các địa bàn ngoại thành Hà Nội; Các chuyến đi trong các quận nội thành Hà Nội, đơn vị xây dựng phương án khoán kinh phí sử dụng xe hoặc thanh toán chi phí sử dụng xe công cộng theo chi phí thực tế phát sinh.

3. Phương án bố trí, sắp xếp xe ô tô

a) Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh: tổng số 07 xe, các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng thường xuyên một xe ô tô; các chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác được bố trí 01 xe/01 chức danh gồm: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung: Tổng số 28 xe, bố trí như sau:

- Văn phòng Bộ được bố trí 12 xe ô tô để phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị có chung trụ sở làm việc với trụ sở của Bộ. Trong đó, bố trí 01 xe phục vụ chuyên gia cao cấp theo quy định.

- Tổng cục Thi hành án dân sự được bố trí 03 xe ô tô để phục vụ công tác chung của khối các đơn vị hưởng lương từ Văn phòng Tổng cục.

- Cục Công tác phía Nam được bố trí 03 xe ô tô để phục vụ công tác của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vào công tác tại các tỉnh phía Nam.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc Bộ gồm Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam và Nhà Xuất bản Tư pháp được bố trí 01 xe/đơn vị để phục vụ công tác chung của đơn vị.

- Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm được bố trí 01 xe để phục vụ công tác chung cho đơn vị và Cục Bồi thường nhà nước.

- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia được bố trí 01 xe để phục vụ công tác chung cho đơn vị và Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

- Các đơn vị mà trụ sở làm việc không nằm chung địa bàn tỉnh, thành phố với trụ sở của Bộ được trang bị 01 xe/đơn vị gồm các Trường Trung cấp Luật và các Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh.

4. Kinh phí mua sắm và vận hành xe

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên

Đơn vị tự cân đối từ nguồn kinh phí hợp pháp hằng năm để mua sắm, sửa chữa, mua bảo hiểm xe ô tô và các chi phí liên quan đến việc sử dụng xe gồm chi trả lương lái xe, công tác phí cho lái xe, phí cầu đường, tiền xăng dầu...

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ quan hành chính được giao quản lý, sử dụng xe ô tô

- Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương của lái xe, Bộ bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm theo quy định.

- Đối với các đơn vị được giao điều phối xe cho nhiều đơn vị gồm Văn phòng Bộ và Cục Công tác phía nam, Bộ bố trí một khoản kinh phí trong kinh phí quản lý ngành hằng năm để trả một số khoản chi phí như: công tác phí cho lái xe, tiền xăng xe, phí cầu đường cho các chuyến công tác do Bộ tổ chức, Lãnh đạo Bộ làm trưởng đoàn (không nằm trong kế hoạch công tác năm và đã được bố trí kinh phí cho các đơn vị sử dụng xe), chi phí sửa chữa lớn, chi phí trông giữ xe (nếu có).

- Các chi phí khi sử dụng xe ô tô như xăng xe, cầu đường, công tác phí cho lái xe (tiền phòng ngủ và phụ cấp lưu trú), rửa xe, trông xe... do đơn vị sử dụng xe chi trả căn cứ quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô đã ban hành.

- Chi phí sử dụng xe ô tô khi đi trong nội thành Hà Nội, đơn vị quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ (khoán hoặc thanh toán trực tiếp) và chi trả từ nguồn chi tự chủ/chi thường xuyên ngân sách cấp hằng năm cho đơn vị.

5. Xử lý xe dôi dư

Sau khi sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ, số lượng xe dôi dư của Bộ là 10 xe. Trong đó, 09 đã đủ điều kiện thanh lý là các xe đã sử dụng từ 15 năm trở lên và 01 xe của Học viện Tư pháp đề nghị chuyển sang theo dõi ở xe chuyên dùng. Sau khi Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về tiêu chuẩn, định mức loại xe này sẽ tiếp tục sắp xếp, xử lý theo quy định. Các xe thanh lý gồm:

- a) Văn phòng Bộ: 04 chiếc;
- b) Cục Công tác phía Nam: 02 chiếc;
- c) Trường Đại học Luật Hà Nội: 02 chiếc bao gồm 01 chiếc do Trường TCL Buôn Ma Thuột trước đây quản lý, sử dụng;
- d) Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm: 01 chiếc.

6. Tổ chức thực hiện

- a) Cục Kế hoạch - Tài chính

- Tham mưu, thẩm định trình Bộ quyết định điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị theo quy định của pháp luật **trước ngày 30 tháng 4 năm 2020**; Trình Bộ thanh lý xe ô tô đã đủ điều kiện thanh lý khi có đầy đủ hồ sơ của các đơn vị.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng xe ô tô của các đơn vị thuộc Bộ, đảm bảo công khai, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tham mưu, thẩm định trình Bộ điều chỉnh kinh phí trả lương, các chế độ theo quy định cho lái xe và các kinh phí khác có liên đến việc quản lý, sử dụng xe cho các đơn vị **trong quý II năm 2020**.

- Cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

b) Vụ Tổ chức cán bộ

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng lao động của lái xe để sắp xếp theo nguyên tắc nêu tại điểm a Mục 2 trước **ngày 30 tháng 4 năm 2020**.

c) Các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Bộ

- Tất cả các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Bộ bổ sung nội dung khoán kinh phí sử dụng xe ô tô vào quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình để làm cơ sở thực hiện nội dung chi này.

- Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng xe

+ Thực hiện tổ chức, sắp xếp số xe ô tô theo phương án của Bộ; thực hiện bố trí xe ô tô cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe phù hợp với nhu cầu sử dụng, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

+ Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy chế đã ban hành.

+ Thực hiện hạch toán và báo cáo kê khai xe ô tô được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị phải điều chuyển xe

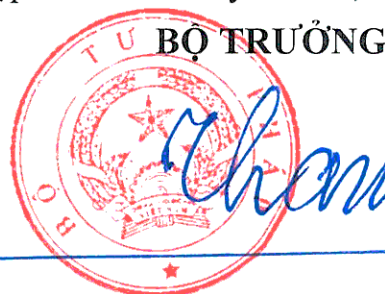
+ Thực hiện việc sắp xếp, xử lý phù hợp, đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ đối với lái xe khi điều chuyển xe.

+ Có trách nhiệm bàn giao đầy đủ, kịp thời xe ô tô và các hồ sơ của xe ô tô cho đơn vị được tiếp nhận xe.

+ Hạch toán giảm tài sản cố định theo quy định hiện hành.

+ Thực hiện công tác sắp xếp đối với nhân sự của vị trí lái xe đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ.

- Các đơn vị phải thanh lý xe ô tô lập hồ sơ thanh lý tài sản, trình Bộ xử lý.



Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01

SẮP XẾP XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 750 /QĐ-BTP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên đơn vị	Số xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Đề xuất thanh lý	Ghi chú
	TỔNG SỐ	7					7		
1	Văn phòng Bộ	6					6		
		1	80A-052.38	5	2018	2	1	0	
		1	80A-008.82	5	2012	8	1	0	
		1	80A-022.23	5	2013	7	1	0	
		1	80A-004.05	5	2011	9	1	0	
		1	80A-000.26	5	2010	10	1	0	
		1	80A-008.14	5	2012	8	1	0	
2	Tổng cục THADS	1	80A-001.06	5	2010	10	1	0	

Tel: 84-3930 3279 * www.ThuVienPha

LawSoft *



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 02

SẮP XẾP, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 750 /QĐ-BTP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
	KHỐI CƠ QUAN BỘ	38					28	9	
1	Văn phòng Bộ	12					12	4	
		1	80A- 010.61	7	2012	8			
		1	80A-011.90	5	1998	22			
		1	80B-5238	5	2001	19			
		1	80B-4109	5	2006	14			
		1	80A-003-16	5	2009	11			
		1	80A-000.13	16	2010	10			
		1	80A-007.07	7	2007	13			
		1	80A-010.26	5	2003	17			
		1	80A-000.15	7	2010	10			

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
		1	80A-010.80	7	2012	8			
		1	80A-010.98	16	2003	17			
		1	80A-000.36	5	2010	10			
2	Tổng cục THADS	3					3	-	
		1	80A-009.65	5	2012	8			
		1	80A-009.93	7	2012	8			
		1	29A-015.01	7	2013	7			
3	Cục Công tác phía nam	6					3	2	01 xe điều chuyển về Văn phòng Bộ quản lý sử dụng
		1	80A-001.01	5	2010	10			
		1	50A-003.09	7	2013	7			
		1	50A-002.46	7	2013	7			
		1	51A-4318	16	2009	11			
		1	80A-010.32	5	2000	20			
		1	51A -1825	5	2005	15			
4	Học viện Tư pháp	2					1	-	
		1	29A-040.31	5	2012	8	-		
		1	29A -00838	5					Chuyển sang xe chuyên dùng
5	Trường ĐH Luật	3					1	2	
		1	29A-021.62	5	2003	17		1	
		1	80A 024.97	4	2004	16	-	1	Xe điều chuyển từ TCL Buôn Ma Thuột

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Tên người quản lý	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
		1	80A028.27	5	2013		7		
6	Báo PL Việt Nam	1	30E-924.54	5	2017		3	1	-
7	Nhà xuất bản Tư pháp	1	80A-008.85	5	2013		7	1	-
8	Viện Khoa học pháp lý	1	29A-015.61	5	2013		7	-	-
9	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	1	80A-000.17	5	2003		17	1	1
10	Cục Bồi thường nhà nước	1	80A-026.62	5	2013		7		Điều chuyển về Cục ĐKOGGDBĐ để dùng
11	Tạp chí dân chủ và pháp luật	1	80A-017-48	5	2010		10	-	Điều chuyển về VPB
12	Trung tâm LLTPQG	1	80A-000.14	7	2011		9	1	Điều phối cho Iap chi DC&PI
13	Thanh tra Bộ	1	29A-002.07	7	2013		7	-	Điều chuyển về VPB
14	Trường TC Luật Đồng Hới	1	80A-023.95	7	2012		8	1	
15	Trường TC Luật Thái Nguyên	1	20M-00136	7	2012		8	1	
16	Trường TC Luật Tây Bắc	1	26A -00.145	7	2013		7	1	
17	Trường TC Luật Vị Thanh	1	95M-000.07	5	2010		10	1	
	KHỐI CƠ QUAN THADS ĐỊA PHƯƠNG	63						63	
1	Cục THADS thành phố Hà Nội	1		5	2011		9	1	
2	Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh	1		5	2010		10	1	
3	Cục THADS thành phố Hải Phòng	1		5	2009		11	1	
4	Cục THADS thành phố Cần Thơ	1		5	2011		9	1	
5	Cục THADS thành phố Đà Nẵng	1		5	2012		8	1	
6	Cục THADS tỉnh Nam Định	1		5	2010		10	1	

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
7	Cục THADS tỉnh Hà Nam	1		5	2013	7	1		
8	Cục THADS tỉnh Hải Dương	1		5	2010	10	1		
9	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	1		5	2013	7	1		
10	Cục THADS tỉnh Thái Bình	1		5	2013	7	1		
11	Cục THADS tỉnh Long An	1		5	2012	8	1		
12	Cục THADS tỉnh Tiền Giang	1		5	2010	10	1		
13	Cục THADS tỉnh Bến Tre	1		5	2012	8	1		
14	Cục THADS tỉnh Đồng Tháp	1		5	2005	15	1		
15	Cục THADS tỉnh Vĩnh Long	1		5	2013	7	1		
16	Cục THADS tỉnh An Giang	1		5	2013	7	1		
17	Cục THADS tỉnh Kiên Giang	1		5	2013	7	1		
18	Cục THADS tỉnh Hậu Giang	1		5	2013	7	1		
19	Cục THADS tỉnh Bạc Liêu	1		5	2013	7	1		
20	Cục THADS tỉnh Cà Mau	1		5	2013	7	1		
21	Cục THADS tỉnh Trà Vinh	1		5	2005	15	1		
22	Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	1		5	2011	9	1		
23	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	1		5	2013	7	1		
24	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	1		5	2010	10	1		
25	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	1		5	2013	7	1		
26	Cục THADS tỉnh Phú Thọ	1		5	2006	14	1		

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Tổng số xe	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
27	Cục THADS tỉnh Ninh Bình	1		5	2010	10	1		
28	Cục THADS tỉnh Thanh Hóa	1		5	2013	7	1		
29	Cục THADS tỉnh Nghệ An	1		5	2013	7	1		
30	Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	1		5	2012	8	1		
31	Cục THADS tỉnh Quảng Bình	1		5	2012	8	1		
32	Cục THADS tỉnh Quảng Trị	1		5	2013	7	1		
33	Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế	1		5	2012	8	1		
34	Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1		5	2013	7	1		
35	Cục THADS tỉnh Bình Thuận	1		5	2012	8	1		
36	Cục THADS tỉnh Đồng Nai	1		5	2013	7	1		
37	Cục THADS tỉnh Bình Dương	1		5	2012	8	1		
38	Cục THADS tỉnh Bình Phước	1		5	2013	7	1		
39	Cục THADS tỉnh Tây Ninh	1		5	2012	8	1		
40	Cục THADS tỉnh Quảng Nam	1		5	2012	8	1		
41	Cục THADS tỉnh Bình Định	1		5	2012	8	1		
42	Cục THADS tỉnh Khánh Hòa	1		5	2012	8	1		
43	Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi	1		5	2012	8	1		
44	Cục THADS tỉnh Phú Yên	1		5	2012	8	1		
45	Cục THADS tỉnh Ninh Thuận	1		5	2013	7	1		
46	Cục THADS tỉnh Thái Nguyên	1		5	2002	18	1		

Tel: +84-8-3930 3274
 LawSoft *

TT	Tên đơn vị	Số lượng xe đang quản lý	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Năm đưa vào sử dụng	Tỷ lệ %	Số xe sau sắp xếp	Thanh lý	Ghi chú
47	Cục THADS tỉnh Bắc Kạn	1		5	2013	7	1		
48	Cục THADS tỉnh Cao Bằng	1		5	2012	8	1		
49	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	1		5	2012	8	1		
50	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	1		5	2012	8	1		
51	Cục THADS tỉnh Hà Giang	1		5	2012	8	1		
52	Cục THADS tỉnh Yên Bái	1		5	2013	7	1		
53	Cục THADS tỉnh Lào Cai	1		5	2012	8	1		
54	Cục THADS tỉnh Hòa Bình	1		5	2013	7	1		
55	Cục THADS tỉnh Sơn La	1		5	2012	8	1		
56	Cục THADS tỉnh Điện Biên Phủ	1		5	2013	7	1		
57	Cục THADS tỉnh Lai Châu	1		5	2013	7	1		
58	Cục THADS tỉnh Quảng Ninh	1		5	2012	8	1		
59	Cục THADS tỉnh Lâm Đồng	1		5	2010	10	1		
60	Cục THADS tỉnh Gia Lai	1		5	2009	11	1		
61	Cục THADS tỉnh Đắk Lắk	1		5	2013	7	1		
62	Cục THADS tỉnh Đắk Nông	1		5	2013	7	1		
63	Cục THADS tỉnh Kon Tum	1		5	2013	7	1		

DANH SÁCH ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

STT	ĐƠN VỊ
1	Văn phòng Bộ
2	Tổng cục Thi hành án dân sự
3	Cục Kiểm tra văn bản QPPL
4	Cục Con nuôi
5	Thanh tra Bộ
6	Cục Bồi thường nhà nước
7	Trung tâm lý lịch Tư pháp quốc gia
8	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
9	Tạp chí Dân chủ pháp luật
10	Cục Trợ giúp pháp lý
11	Viện Khoa học pháp lý
12	Cục Bổ trợ Tư pháp
13	Cục Đăng ký quốc gia GDBĐ
14	Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi THPL
15	Cục Công nghệ thông tin
16	Học viện Tư pháp
17	Đại học luật Hà Nội
18	Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên
19	Trường Trung cấp Luật Đồng Hới
20	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc
21	Trường Trung cấp Luật Vị Thanh
22	Cục Công tác phía Nam
23	Nhà Xuất bản Tư pháp
24	Báo Pháp luật Việt Nam
25	Ban Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp
26	Ban quản lý dự án chuyên trách của Bộ Tư pháp